

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮKNÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04-3-2021

V/v: Không công nhận là vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn, ông Nguyễn Tiến Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST ngày 17 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Bà Hà Thị N, sinh năm 1972; Địa chỉ: thôn ĐS, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**/ Bị đơn:* Ông Trần Văn Q, sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn ĐS, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10/11/2020, lời khai trong quá trình điều tra bà Hà Thị N trình bày: bà và ông Trần Văn Q chung sống với nhau từ năm 1990 không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình sống chung, ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình, vợ chồng không hợp nhau, chồng bà hay rượu chè, đánh đập vợ con nên bà đã sống ly thân với ông Trần Văn Q từ tháng 1/2020 đến nay, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn Q.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 05 người con chung là cháu Trần Thị T, sinh năm 1993, cháu Trần Văn Q1, sinh năm 1997, cháu Trần Thị T1, sinh năm 1999, cháu Trần Thị T2, sinh năm 2008 và cháu Trần Văn L, sinh năm 2007, các cháu đã trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết, còn hai cháu Trần Thị T2, sinh năm 2008 và cháu Trần Văn L, sinh năm 2007 chưa đủ 18 tuổi bà Hà Thị N xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai của ông Trần Văn Q trong quá trình điều tra: ông Trần Văn Q thừa nhận cuộc sống gia đình không hợp nhau dẫn đến mâu thuẫn xích mích, dần dần vợ chồng không còn tình cảm, đã ly thân từ tháng 1/2020 đến nay. Ông Trần Văn Q đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N và không có ý kiến gì, ông Trần Văn Q đồng ý giao cháu Trần Thị T2, sinh năm 2008 và cháu Trần Văn L, sinh năm 2007 cho bà Hà Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N; Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hà Thị N và ông Trần Văn Q là vợ chồng; Về con chung: các cháu Trần Thị T, sinh năm 1993, cháu Trần Văn Q1, sinh năm 1997, cháu Trần Thị T1, sinh năm 1999 đều đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết; Giao cháu Trần Thị T2, sinh năm 2008 và cháu Trần Văn L, sinh năm 2007 cho bà Hà Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; Về án phí: Bà Hà Thị N chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án Xin ly hôn, bị đơn là ông Trần Văn Q có địa chỉ tại thôn ĐS, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 17/02/2021, nguyên đơn bà Hà Thị N, bị đơn ông Trần Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N: Vào năm 1990 bà và ông Trần Văn Q trên cơ sở tự nguyện đã chung sống với nhau như vợ chồng đến nay. Tuy không đăng ký kết hôn, nhưng được sự chứng kiến của hai bên họ hàng. Lẽ ra, khi

đã là vợ chồng thì ông bà phải yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững. Nhưng trái lại, khi bước vào cuộc sống chung thì cả hai cùng bộc lộ những tính cách khác nhau, lối sống trái ngược nhau, vợ chồng không thông cảm với nhau, không nhường nhịn nhau mà thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong quá trình điều tra ông Trần Văn Q cũng thừa nhận là vợ chồng có quá nhiều mâu thuẫn nên hôn nhân không thể kéo dài. Việc ly hôn thật sự là cần thiết để giải phóng cho một cuộc hôn nhân không đạt được mục đích. Xét thấy, bà Hà Thị N và ông Trần Văn Q cũng đã có thời gian sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay và không quan tâm đến nhau. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Hà Thị N và ông Trần Văn Q là trầm trọng. Hôn nhân của ông bà thật sự không đạt được mục đích. Vì vậy, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử xác định, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Hà Thị N và giải quyết bà Hà Thị N được ly hôn với ông Trần Văn Q.

Bà Hà Thị N và ông Trần Văn Q đều đồng ý thuận tình ly hôn, do đó Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Hà Thị N là phù hợp. Tuy nhiên, hôn nhân giữa ông bà không có đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 14, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ giữa ông Trần Văn Q và bà Hà Thị N không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

3. Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 05 người con chung là cháu Trần Thị T, sinh năm 1993, cháu Trần Văn Q1, sinh năm 1997, cháu Trần Thị T1, sinh năm 1999, cháu Trần Thị T2, sinh năm 2008 và cháu Trần Văn L, sinh năm 2007, các cháu đã trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết, còn hai cháu Trần Thị T2, sinh năm 2008 và cháu Trần Văn L, sinh năm 2007 chưa đủ 18 tuổi. Trong quá trình làm việc các đương sự đã thỏa thuận được việc nuôi con như sau: bà Hà Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục Trần Thị T2, sinh năm 2008 và cháu Trần Văn L, sinh năm 2007. Xét ý kiến của các cháu muốn được ở với mẹ nên cần chấp nhận theo thỏa thuận của các đương sự. Các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng.

4. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Hà Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Hà Thị N. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Hà Thị N và ông Trần Văn Q là quan hệ vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao các cháu Trần Thị T2, sinh năm 2008 và cháu Trần Văn L, sinh năm 2007 cho bà Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: các đương sự không có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình 2014

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: bà Hà Thị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003718 ngày 16/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện M;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh

